TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **789**/2022/HC-PT
Ngày: 19/12/2022
V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Bảo Nguyên
2. Ông Đào Hồng Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh để trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/HC-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc " Khiếu kiện hành vi cưỡng chế trong lĩnh vực quản lý đất đai";

Do Bản án Hành chính sơ thẩm 152/2022/HCST ngày 31/ 8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BC bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6069/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Lê Thị Hoài A**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: E14/420 xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy Tr, sinh năm: 1984, (có mặt)

Địa chỉ: E14/420 xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền lập ngày 20/11/2019 tại Văn phòng Công chứng Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh S – Phó chủ tịch (có mặt).

Địa chỉ: E11/326/2 Quốc lộ 50, ấp 5, xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Quyết định ủy quyền số 2570/QĐ-UBND ngày 19/10/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm: 1954

Địa chỉ: B9/31A Quốc lộ 50, ấp 3, xã B, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 13/11/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP dán thông báo số 2395/TB-UBND trước nhà bà Lê Thị Hoài A yêu cầu tự di dời tài sản theo Quyết định cưỡng chế số 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 đối với ông Hoàng Ngọc T (không phải là chủ tài sản).

Ngày 15/11/2019, bà Lê Thị Hoài A có khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP về hành vi hành chính việc dán thông báo số 2395/TB-UBND ngày 13/11/2019 cưỡng chế phá dỡ tài sản của bà Lê Thị Hoài A dưới tên ông Hoàng Ngọc T, địa chỉ: B12/38 Ấp 2, xã Bình Hưng, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cho đến nay không được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật cũng như chưa ra quyết định giải quyết khiếu nại và tổ chức gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho bà Lê Thị Hoài A.

Ngày 14/8/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP tiếp tục dán thông báo số 1921/TB-UBND ngày 12/8/2020 thực hiện cưỡng chế nhà ở của bà Lê Thị Hoài A như trên với thời hạn là hết ngày 19/8/2020 để tự di dời theo Quyết định cưỡng chế số 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 đối với ông Hoàng Ngọc T (không phải là chủ tài sản) và ngày 19/8/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP đã cưỡng chế hủy hoại tài sản và chiếm đoạt toàn bộ tài sản của bà Lê Thị Hoài A, cưỡng chế xong cho người chở tài sản của bà Lê Thị Hoài A đi mà không làm việc với bà Lê Thị Hoài A.

Trong quá trình cưỡng chế, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP đã cho cấp dưới tiên phong là Công an xã tiến hành phá khóa cổng vào nhà bà Lê Thị Hoài A mà không có quyết định tổ chức cưỡng chế. Tất cả những người tham gia đều xác định toàn bộ tài sản đều là của ông T (không đúng thực tế), nên cho rằng bà Lê Thị Hoài A không có quyền hạn gì đối với tài sản nhà ở nêu trên nên toàn bộ tole sắt sau đó bị chở đi mà không làm việc với bà Lê Thị Hoài A (hoàn toàn không có mặt của ông T).

Trong quá trình cưỡng chế, bà Lê Thị Hoài A cũng không thấy có lực lượng cứu hỏa hay y tế, khi ba của bà Lê Thị Hoài A là thương binh ¾ đang bị bệnh tim mà thấy hành vi nhà bị đập phá bị lên cơn đau tim và làm mệt, bà Lê Thị Hoài A phải gọi cấp cứu 115 để hỗ trợ chứ Ban tổ chức cưỡng chế không có hành động nào hỗ trợ ba của bà Lê Thị Hoài A.

Theo đó, họ nghiêm cấm quay phim chụp ảnh (nên bằng chứng bà Lê Thị Hoài A không có nhiều và đầy đủ) và hăm dọa bắt bà Lê Thị Hoài A về xã xử lý. Những người tham gia cưỡng chế thể hiện hành vi hủy hoại tài sản

của bà Lê Thị Hoài A chứ không phải hành vi tháo dỡ. Hiện trạng trước khi cưỡng chế: nhà vách gạch, cột gạch (đã dán gạch men vách, cột), nền gạch men, bếp 02 cái được thiết kế xây gạch và dán gạch men (giống bếp ở các căn hộ hiện đại), có cửa làm bằng sắt, có khóa, diện tích bếp khoảng 50m^2, mái tole, thiết kế đèn led, nội thất có tủ, bàn ghế, rượu thuốc ngâm 10 hủ 10 lít, bàn ghế,…Tổng diện tích 150m^2. Hiện trạng sau khi cưỡng chế: toàn bộ tài sản bị hủy hoại và bị tịch thu chở đi, đồng thời việc cưỡng chế đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới các công trình liền kề của bà Lê Thị Hoài A.

Xét thấy ông T không phải là chủ sở hữu tài sản nhà ở nói trên của bà Lê Thị Hoài A và việc lập các thông báo cũng như ra các quyết định cưỡng chế phá dỡ tài sản của bà Lê Thị Hoài A dưới tên ông T là sai với quy định pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Hoài A với tài sản nói trên.

Hành vi cưỡng chế nhà của bà Lê Thị Hoài A ngày 19/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP dựa tên các thông báo 1189/TB-UBND ngày 17/10/2017, 2290/TB-UBND ngày 17/10/2017, 2395/TB-UBND ngày 13/11/2019, 1921/TB-UBND ngày 12/8/2020) và quyết định 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 đối với ông Hoàng Ngọc T (không phải là chủ tài sản) đã hủy hoại toàn bộ tài sản và tự ý tịch thu toàn bộ tài sản của bà Lê Thị Hoài A nên bà Lê Thị Hoài A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BC xem xét giải quyết:

Yêu cầu Tòa án xem xét hành vi cưỡng chế nhà ở của bà Lê Thị Hoài A của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP là sai với quy định của pháp luật.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật nói trên gây ra khoảng 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 03/11/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên Tòa, đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

1. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ khoản 1 Điều 58, Điều 66, 71, 73 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, Điều 8, Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

2. Quá trình xử lý vụ việc:

Ngày 10/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng số 26/BB-VPHC đối với ông Hoàng Ngọc T (là chủ đầu tư xây dựng công trình) đã có hành vi vi phạm hành chính: Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Ngày 14/7/2017, Ủy ban nhân dân xã ĐP ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng số 1570/QĐ-XPVPHC đối với ông Hoàng Ngọc T.

Ngày 24/7/2017, Ủy ban nhân dân xã ĐP ban hành Quyết định Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1626/QĐ-UBND đối với ông Hoàng Ngọc T.

Ngày 16/8/2017, Ủy ban nhân dân xã ĐP ban hành Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1769/QĐ-UBND đối với ông Hoàng Ngọc T.

Công trình có hiện trạng:

Công trình 1: Khung sắt + cột gạch, vách gạch + tôn, mái tôn; Diện tích: (8,3x12,7) + (9,5x3,6) = 139,618 m^2;

Công trình 2: Khung sắt + cột gạch, vách gạch, mái tôn; Diện tích: 8,7x2,5 = 21,75 m^2.

Tại 01 phần thửa số 651, tờ bản đồ số 04 (TL02/CT-UB).

Quá trình thực hiện cưỡng chế:

Ngày 12/8/2020, Ủy ban nhân dân xã ĐP ban hành Kế hoạch số 1918/KH-UBND về tổ chức thực hiện Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn xã ĐP.

Ngày 19/8/2020, Ủy ban nhân dân xã ĐP phối hợp cùng Công ty TNHH MTV DVCI huyện BC thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm của ông Hoàng Ngọc T theo quy định.

Đoàn cưỡng chế giao tất cả tài sản, vật dụng công trình đã được tháo dỡ cho ông Hoàng Ngọc T (đại diện và Hoàng Thiên Nga là con ruột ông Hoàng Ngọc T) và ông Hoàng Ngọc T đã thanh toán toàn bộ chi phí cưỡng chế theo quy định.

Chính kiến của người bị kiện

Ông Hoàng Ngọc T có thuê phần đất nông nghiệp của bà Lê Thị Hoài A và có hành vi vi phạm xây dựng công trình trên. Do đó, Ủy ban nhân dân xã ĐP lập biên bản vi phạm đối với ông Hoàng Ngọc T và ban hành các Quyết định để xử lý đối với công trình vi phạm nêu trên là đúng quy định *(ông T đã ký vào biên bản vi phạm hành chính)*.

Ông Hoàng Ngọc T không có ủy quyền cho ông Lê Duy Tr để thực hiện việc khiếu nại. Ông Lê Duy Tr không có quyền và nghĩa vụ liên quan

đến công trình vi phạm trật tự xây dựng nêu trên, việc thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội, quy định:

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên, nay ông đại diện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP có ý kiến như sau: khởi kiện của bà Lê Thị Hoài A không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Hoàng Ngọc T trình bày:

Vào năm 2017, ông có thuê của bà Lê Thị Hoài A phần đất để xây dựng quán ăn bình dân kiếm thêm thu nhập sinh sống vì ông là bộ đội gần nghỉ hưu. Khi ông thuê đất của bà Ân ông có xây dựng 02 cái quán, 01 cái nhà ăn, 01 cái nhà để ở và nhà vệ sinh trên hiện trạng cũ là 01 cái nhà đã bị cưỡng chế. Khi ông tiến hành xây dựng thì chính quyền địa phương không có ý kiến gì nên ông cứ làm nhưng khi quán sắp hoàn thiện thì chính quyền địa phương gửi quyết định cưỡng chế vào ngày 25/7/2017, ông có nhận vào ngày 26/7/2017. Sau đó ông không tiến hành xây dựng hoàn thiện quán ăn nữa, ông đi công tác. Việc Ủy ban nhân dân xã ĐP tiến hành cưỡng chế xây dựng thì ông là người khởi kiện mới đúng vì ông là người trực tiếp xây dựng chứ không phải bà Lê Thị Hoài A xây dựng, hiện trạng khi ông thuê là có 01 căn nhà đã bị cưỡng chế như trình bày trên. Nhưng vì là bộ đội nên ông không khiếu kiện và khiếu nại gì hết mà chấp hành theo quy định của pháp luật chính quyền địa phương, ông xem như là đã bỏ việc xây dựng này. Bà Lê Thị Hoài A hoàn toàn không xây dựng gì trên phần đất này, ông là người trực tiếp mua vật liệu, trả tiền khi mua vật liệu. Ông có chấp hành ký vào biên bản vi phạm hành chính và trước khi làm hợp đồng với bà Ân thì ông có xem xét hiện trạng.

Nay bà Lê Thị Hoài A khởi kiện Chủ tịch UBND xã ĐP thì đó là việc của bà Ân không liên quan gì đến ông, yêu cầu Tòa án xét xử theo/ quy định của pháp luật.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm 152/2022/HCST ngày 31/ 8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BC đã xử bác khởi kiện của bà Lê Thị Hoài A, án phí bà Ân phải nộp.

Ngày 12/9/2022 bà Lê Thị Hoài A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm trực tuyến:

- Đại diện bà Ân giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Công trình xây dựng là của bà Ân

- Đại diện Chủ tịch UBND xã xác định: xử phạt đối với ông T là đúng.

- Ông Hoàng Ngọc T cho rằng đất thuê của bà Ân và tự đầu tư xây dựng công trình không phép. Việc UBND xử phạt cưỡng chế thì ông T không tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Về nội dung: xử phạt đối với ông T là đúng. Công trình xây dựng không phép bị buộc cưỡng chế tháo dỡ. Có hành vi cưỡng chế đúng nội dung theo quyết định của cưỡng chế. Đề nghị giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trực tuyến và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại các điểm cầu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền kháng cáo: Kháng cáo của bà Ân làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

[2]. Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 19/8/2020 Chủ tịch UBND xã ĐP huyện BC thực hiện hành vi tháo dỡ công trình xây dựng không phép mà theo qui định phải có giấy phép, theo biên bản ngày 19/8/2020. Đến ngày 31/8/2020, bà Ân khởi kiện đối với hành vi tháo dỡ này, là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Xác định đây là khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Bà Ân cho rằng công trình bị phá dỡ là tài sản của bà, chứ không phải của ông T, nên quyền lợi của bà bị vi phạm. Xác định bà Ân có tư cách khởi kiện.

Xác định Chủ tịch UBND xã là người có thẩm quyền thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng, theo Điều 67 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 và Điều 38 Nghị định 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Do đó Chủ tịch UBND xã ĐP là người bị kiện trong vụ án.

Ông T là đối tượng bị cưỡng chế tháo dỡ công trình nên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại Tòa đại diện của bà Ân xác định chỉ kiện hành vi cưỡng chế buộc tháo dỡ công trình xây dựng, không kiện hành vi từ chối giải quyết khiếu nại. do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét hành vi cưỡng chế của Chủ tịch là đúng hay sai. (*Công văn số 02/2016/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao*). Ngoài ra cần xem xét yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế gây ra của Chủ tịch xã.

[3] Về yêu cầu của người khởi kiện:

[3.1] Về trình tự thủ tục:

Chủ tịch UBND xã ĐP huyện BC ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1570/QĐ-XPVPHC ngày 14/7/2020, quyết định cưỡng chế

thi hành quyết định xử phạt số 1626/QĐ-UBND ngày 24/7/2014, quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017, đối với người vi phạm là ông Hoàng Ngọc T. Xét các quyết định này đang có hiệu lực và không bị khởi kiện. Chỉ đến sau khi Chủ tịch UBND xã ĐP thực hiện cưỡng chế công trình thì phát sinh khởi kiện. Do đó Tòa cần xem xét hành vi cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng của Chủ tịch UBND xã ĐP là đúng hay sai. Cơ sở thực hiện hành vi đó. Không xem xét lại tính hợp pháp của quyết định xử phạt, quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Trước đó, bà Lê Thị Hoài A cho rằng toàn bộ công trình xây dựng và đất có công trình là tài sản của bà Ân. Phía ông T có khai: công trình trên đất do ông T thuê đất của bà Ân để đầu tư và xây dựng công trình – kinh doanh ăn uống. Việc Chủ tịch UBND xã cưỡng chế tháo dỡ công trình sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, do đó bà Ân khởi kiện là không đúng.

Xét Hợp đồng ngày 10/02/2017 bà Ân có cho ông T thuê phần đất 30m x 50m, trong đó có thửa 651, tờ bản đồ 4, xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét ngày 07/9/2017 UBND xã ĐP kiểm tra làm việc với các đương sự thì tại công trình xây dựng thuộc tổ 14, ấp 5, nhằm một phần thửa 651, tờ bản đồ 4, xã ĐP, huyện BC thì toàn bộ công trình theo biên bản Vi phạm hành chính 26/BB-VPHC ngày 10/7/2017 là xây dựng mới, một số phá dỡ xây dựng lại trên nền đất cũ. Ông T đã thừa nhận về hành vi của mình – tự đầu tư và xây dựng.

Như vậy việc Chủ tịch UBND xã ĐP ban hành quyết định cưỡng chế số 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - tháo dỡ công trình, cưỡng chế đối với ông T là cơ sở, tiền đề để thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng không phép mà theo qui định phải có giấy phép.

Cụ thể:

- Ngày 17/8/2017 UBND xã giao Quyết định cưỡng chế số 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 cho ông Hoàng Ngọc T, nhưng ông T không nhận. Biên bản giao có người làm chứng và đại diện chính quyền địa phương chứng kiến xác nhận. Ngày 18/8/2017 UBND xã nêm yết theo quy định.

- Ngày 12/8/2020, UBND xã ĐP, huyện BC ban hành Thông báo Kế hoạch số 1918/KH-UBND về tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn xã ĐP. Đã niêm yết Thông báo.

- Ngày 19/8/2020, UBND xã ĐP thi hành thực hiện Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, có tiến hành lập biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo đúng Kế hoạch số 1918/KH-UBND về tổ chức thực hiện cưỡng chế. Phía Chủ tịch xã khi cưỡng chế có lập biên bản giao tài sản đã cưỡng chế tháo dỡ, cho bà Hoàng Thiên Nga là con ruột của

ông Hoàng Ngọc T. Biên bản có bà Nga ký tên và đại diện tổ dân phó, chính quyền địa phương xác nhận chứng kiến.

- Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện BC ghi nhận vị trí, hiện trạng như sau: phần đất thuộc thửa 651 tờ bản đồ số 04 tại tổ 14, ấp 5, xã ĐP có nhà kết cấu tường tôn, mái tôn, một phần lưới lan và phần căn nhà này đã bị cưỡng chế còn lại nền gạch có diện tích 4m x 6m. Ông T hướng dẫn những phần ông T xây dựng lúc ông thuê đất và đã bị Ủy ban nhân dân xã ĐP cưỡng chế, là phù hợp với hành vi cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy là Chủ tịch UBND xã ĐP, huyện BC được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 33, 34, 35 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Án sơ thẩm xử đúng phần này.

[4] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Án sơ thẩm xử bác yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Lê Thị Hoài A, là đúng.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoài A không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và chi phí tố tụng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 366 của Luật tố tụng hành chính. Bà Ân phải nộp án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Giữ nguyên phần quyết định của án sơ thẩm;

1. Không chấp nhận khởi kiện của bà Lê Thị Hoài A yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP về việc tiến hành cưỡng chế tháo dỡ công trình do ông Hoàng Ngọc T thực hiện hành vi vi phạm xây dựng công trình trên đất nông nghiệp là trái pháp luật và không chấp nhận khởi kiện của bà Ân yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ĐP bồi thường thiệt hại đã gây ra do hành vi cưỡng chế trái pháp luật với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị Hoài A chịu 24.300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.300.000 đồng mà bà Ân đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0080129 ngày 29/9/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC. Bà Lê Thị Hoài A phải nộp thêm 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Bà Lê Thị Hoài A chịu 12.210.000 đồng (mười hai triệu hai trăm mười ngàn đồng) chi phí thẩm định giá tài sản, đã nộp đủ tại Tòa cấp sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Lê Thị Hoài A phải nộp 300.000 nghìn đồng, cấn trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2021/0041649 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC.

Án xử trực tuyến, phúc thẩm công khai có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện BC;
- TAND huyện BC ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu